

Chợ Đồn, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Số: 32/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị D, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh Lường Văn T, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn C, xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A Việt Nam. Chi nhánh Ngân hàng B tỉnh Bắc Kạn - Phòng Giao dịch huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn H. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị Thu H. Chức vụ: Phó Giám đốc theo văn bản ủy quyền số 84/GUQ-NHCS ngày 05/4/2019 của Phòng Giao dịch huyện C.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị D và anh Lương Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Triệu Thị D và anh Lương Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Triệu Thị D và anh Lương Văn T có 01 con chung tên là Lương Thị Hồng N sinh ngày 26/11/2013. Hai bên thống nhất, thoả thuận giao con chung tên cho anh Lương Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn T không yêu cầu chị Triệu Thị D cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Triệu Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về các đồ dùng sinh hoạt khác trong gia đình chị D và anh T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Các bên thống nhất, thoả thuận như sau.

* Chị Triệu Thị D có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 31.000.000đ (*ba mươi một triệu đồng*) tại khoản vay ngày 11/5/2016, vay theo chương trình hộ nghèo và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của số tiền trên.

* Anh Lương Văn T có trách nhiệm trả số tiền tại 03 khoản vay:

+ Trả số tiền nợ gốc 9.000.000đ (*chín triệu đồng*) tại khoản vay ngày 11/5/2016, vay theo chương trình hộ nghèo và lãi suất phát sinh theo hợp đồng của số tiền trên.

+ Trả số tiền nợ gốc 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) tại khoản vay ngày 26/9/2016, vay theo chương trình hộ nghèo và lãi suất phát sinh theo hợp đồng của số tiền trên.

+ Trả số tiền nợ gốc 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) tại khoản vay ngày 11/5/2015, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của số tiền trên.

- **Về án phí:** Chị Triệu Thị D phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và anh Lương Văn T phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn*

đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Triệu Thị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 06055 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Triệu Thị D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã R;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hiền Công Hạnh